

# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter of Illinois, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc kê toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA	<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
METHYLIN SOLN ( <i>methylphenidate hcl</i> )	2	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Allergenic Extracts		
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	GRASTEK SUBL	3	PA
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<b>AMEBICIDES</b>		
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)	Amebicides		
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B		SOLOSEC	3	PA
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	Aminoglycosides		
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	ARIKAYCE	4	PA
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
			<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
			<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
			<i>tobramycin NEBU 300 MG/5ML</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
			<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>					
<b>Antirheumatic - Enzyme Inhibitors</b>					
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.4ML	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.8ML	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HADLIMA SOSY 40 MG/0.8ML	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HADLIMA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.086 ml daily); PA
<b>Antirheumatic Antimetabolites</b>					
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
<b>Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies</b>					
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN AJKT SC 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN AJKT SC 40 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT SC	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 40 MG/0.4ML	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT SC	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT SC	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	HUMIRA PSKT 10 MG/0.1ML, 20 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	<b>Gold Compounds</b>		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Interleukin-1 Blockers</b>		
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<b>Interleukin-6 Receptor Inhibitors</b>		
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
<b>Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)</b>		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24 100 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS 7.5 MG, 15 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<b>Salicylates</b>			<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 days.; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<b>Opioid Agonists</b>			<i>METHADONE HCL SOLN IJ</i>	1B	
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<b>CODEINE SULFATE TABS</b>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)			



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)	<i>XTAMPZA ER</i>	2	QL(2 ea daily); PA
<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)	<b>Opioid Combinations</b>		
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)
<i>morphine sulfate TBCR 15 MG, 30 MG, 60 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>NUCYNTA ER TB12</i>	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>NUCYNTA TABS</i>	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS 5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG</i>	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>SUBSYS LIQD 100 MCG</i>	3	QL(3 ea daily); PA			
<i>SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG</i>	3	QL(4 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)	<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA	<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)	SUBLOCADE SOSY	2	
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	SUBOXONE FILM SL ( <i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate</i> )	2	
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	ZUBSOLV SUBL	2	
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
<b>Opioid Partial Agonists</b>			<b>Anabolic Steroids</b>		
BRIXADI SOSY	2		<i>oxandrolone</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL</i>	1A		<b>Androgens</b>		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1A		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B		<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1A		METHITEST TABS	3	
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA	<i>testosterone cypionate SOLN IM 100 MG/ML, 200 MG/ML</i>	1B	
			TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
			<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
			<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
			<b>Intrarectal Steroids</b>		
			<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(1.6 gm daily); PA
			<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
			UCERIS ( <i>budesonide (intrarectal)</i> )	4	QL(1.6 gm daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Rectal Steroids</b>		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
<b>Vasodilating Agents</b>		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
<b>Anthelmintics</b>		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
<b>Antianginals-Other</b>		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Nitrates</b>		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
<b>ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
<b>Antianxiety Agents - Misc.</b>		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
<b>Benzodiazepines</b>		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
<b>ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUIITY ELLIPTA	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)	<i>levalbuterol hcl 0.31 MG/3ML, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(12 ml daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
QVAR REDHALER	2		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
Sympathomimetics			SEREVENT DISKUS	2	
ADVAIR HFA AERO ( <i>fluticasone-salmeterol</i> )	1B		STIOLTO RESPIMAT	2	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B		<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		Xanthines		
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>theophylline ELIX</i>	1B	
BREO ELLIPTA	2		<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
BREO ELLIPTA ( <i>fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2		<i>theophylline TB12</i>	1B	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	<i>theophylline TB24</i>	1B	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B		<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
DULERA	2		Coumarin Anticoagulants		
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B		<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B		Direct Factor Xa Inhibitors		
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B		ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
			XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
			XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
			XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TABS 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine TABS 100 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TABS 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<b>Carbamates</b>		
<i>lamotrigine TABS 200 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<b>GABA Modulators</b>		
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<b>Hydantoins</b>			<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN	2		<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2		<b>Antidepressants - Misc.</b>		
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TABS 75 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin CHEW</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>phenytoin SUSP</i>	1B		<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
<b>Succinimides</b>			EMSAM	3	QL(1 ea daily)
CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)	MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)	<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>		
ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)	SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
<b>Valproic Acid</b>			SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B		<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>		
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valproic acid CAPS</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>					
<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>					
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>escitalopram oxalate</i> TABS 10 MG	1B	QL(2 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>escitalopram oxalate</i> TABS 5 MG	1B	QL(4 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS 10 MG	1A	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS 40 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate</i> 25 MG, 50 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> CPDR	1B		<i>desvenlafaxine succinate</i> 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> SOLN	1B	QL(20 ml daily)	<i>duloxetine hcl</i> CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl</i> TABS 10 MG, 60 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl</i> CPEP 40 MG	1B	
<i>fluoxetine hcl</i> TABS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS 100 MG	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS 25 MG, 50 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> CP24 150 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> SUSP	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl</i> CP24 75 MG	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> CP24 37.5 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 10 MG	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> TABS	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 40 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TABS 30 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl</i> TB24 150 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl</i> TB24 25 MG, 37.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>paroxetine hcl</i> TB24 12.5 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>amitriptyline hcl</i> TABS	1B	
<i>sertraline hcl</i> CONC	1B	QL(10 ml daily)	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>sertraline hcl</i> TABS 100 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>sertraline hcl</i> TABS 25 MG, 50 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>desipramine hcl</i> TABS	1B	
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl</i> CAPS	1B	
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl</i> CONC	1B	
<i>trazodone hcl</i> TABS	1B		<i>imipramine hcl</i> TABS	1B	
			<i>imipramine pamoate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NORPRAMIN TABS 10 MG, 25 MG ( <i>desipramine hcl</i> )	2	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR ( <i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i> )	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR ( <i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i> )	2	QL(1 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Diabetic Other</b>		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Incretin Mimetic Agents</b>		
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML, 4 MG/3ML, 8 MG/3ML	2	QL(0.108 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY SC 3 MG/0.5ML, 4.5 MG/0.5ML	2	QL(0.143 ml daily); PA
TRULICITY SC 0.75 MG/0.5ML, 1.5 MG/0.5ML	2	QL(0.15 ml daily); PA
VICTOZA ( <i>liraglutide</i> )	2	QL(0.3 ml daily); PA
<b>Insulin</b>		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN 100 UNIT/ML	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
<b>Insulin Sensitizing Agents</b>		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Meglitinide Analogues</b>		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA ( <i>dapagliflozin propanediol</i> )	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
<b>Sulfonylureas</b>		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
<b>Antiperistaltic Agents</b>		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS 2 MG</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
<b>Antidotes - Chelating Agents</b>		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
<b>Antidotes and Specific Antagonists</b>		
VISTOGARD	4	PA
<b>Benzodiazepine Antagonists</b>		
<i>flumazenil 0.5 MG/5ML, 1 MG/10ML</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Opioid Antagonists</b>		
KLOXXADO LIQD	0	
<i>naloxone hcl LIQD</i>	0	RX/OTC
<i>naloxone hcl SOCT</i>	1A	
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naloxone hcl SOSY 2 MG/2ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	1A	
VIVITROL	2	
ZIMHI SOSY	2	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
<b>5-HT3 Receptor Antagonists</b>		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPB	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		
CRESEMBA CAPS OR 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSR</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihistamines - Non-Sedating			<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>loratadine CAPS</i>	1B		<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loratadine CHEW</i>	1B		<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>loratadine SOLN</i>	1B		Fibric Acid Derivatives		
<i>loratadine TABS</i>	1A		<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>loratadine TBDP</i>	1B		<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Phenothiazines			<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B		<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B		HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Piperidines			<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B		<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<b>ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>			<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Combinations			<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.			Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)			
Bile Acid Sequestrants					
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Nicotinic Acid Derivatives</b>		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors</b>		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>ACE Inhibitors</b>		
<i>benazepril hcl 5 MG, 10 MG, 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Agents for Pheochromocytoma</b>		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
<b>Angiotensin II Receptor Antagonists</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antiadrenergic Antihypertensives</b>		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
<b>Antihypertensive Combinations</b>		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		Antihypertensives - Misc.		
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B		VECAMYL	3	PA
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		<i>eplerenone</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	Vasodilators		
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)	Anti-infective Agents - Misc.		
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>bacitracin</i>	3	
			IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1B	
			<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
			XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
			XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
			Anti-infective Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
<b>Antiprotozoal Agents</b>		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
<b>Carbapenems</b>		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
<b>Chloramphenicols</b>		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
<b>Cyclic Lipopeptides</b>		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
<b>Glycopeptides</b>		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone</i>	1B	
<b>Lincosamides</b>		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
<b>Monobactams</b>		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro 100 MG</i>	1B	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days.; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
<i>melphalan</i>	1B		INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antimetabolites</b>			LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Antibodies</b>		
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		KANJINTI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		OGIVRI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	PERJETA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	TRAZIMERA	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA			



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TUKYSA	4	PA
<b>Antineoplastic - EGFR Inhibitors</b>		
ERBITUX	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors</b>		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic - Hormonal and Related Agents</b>		
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FIRMAGON 80 MG, 120 MG/VIAL	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<b>Antineoplastic - Immunomodulators</b>		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	BALVERSA	4	PA
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
XPOVIO	4	PA	BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
Antineoplastic Antibiotics			BRUKINSA	4	PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal IV</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
			INREBIC	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	PA	TABRECTA	4	PA
KOSELUGO	4	PA	TAFINLAR CAPS	4	PA
KYPROLIS	4	PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST TABS	4	PA	TAZVERIK	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	TURALIO	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VERZENIO	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
QINLOCK	4	PA	VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	XOSPATA	4	PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	ZELBORAF	4	SP; PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
SPRYCEL ( <i>dasatinib</i> )	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastic Enzymes		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	Antineoplastics Misc.		
			ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN ( <i>eribulin mesylate</i> )	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>haloperidol TABS 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TABS 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>clozapine TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Phenothiazines</b>		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	QL(78.9 ml daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<b>Quinolinone Derivatives</b>		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
<b>Thioxanthenes</b>		
<i>thiothixene</i>	1B	
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>		
<b>Antiretrovirals</b>		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	PREZISTA TABS 800 MG ( <i>darunavir</i> )	3	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)	PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	RUKOBIA	4	PA
FUZEON SOLR	4	SP; PA	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TYBOST	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<b>CMV Agents</b>		
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)	<b>Hepatitis Agents</b>		
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)	BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)			
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)			
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)			
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)			



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>entecavir</i> TABS	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>oseltamivir phosphate</i> CAPS	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA			
<i>lamivudine (hbv)</i> TABS	1B	QL(3 ea daily); SP	<i>oseltamivir phosphate</i> SUSR	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
MAVYRET TABS	4	QL(3 ea daily); PA			
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>rimantadine hydrochloride</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> CAPS	1B	QL(7 ea daily)	<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> TABS 200 MG	1B	QL(7 ea daily)	Alpha-Beta Blockers		
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>carvedilol</i> 3.125 MG, 6.25 MG, 12.5 MG, 25 MG	1B	
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
VEMLIDY	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>labetalol hcl</i> SOLN	1B	
VIEKIRA PAK TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	<i>labetalol hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1B	
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA	<i>labetalol hcl</i> TABS 300 MG	1B	QL(8 ea daily)
ZEPATIER	4	QL(1 ea daily); PA	Beta Blockers Cardio-Selective		
<b>Herpes Agents</b>			<i>acebutolol hcl</i> CAPS	1B	
<i>acyclovir</i> CAPS	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)	<i>atenolol</i> TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B	
<i>acyclovir</i> SUSP	1B	QL(13.34 ml daily)	<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>acyclovir</i> TABS OR	1B	QL(5 ea daily)	<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>famciclovir</i> 500 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>metoprolol succinate</i> TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B	
<i>famciclovir</i> 125 MG, 250 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>metoprolol succinate</i> TB24 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl</i> 1 GM, 1000 MG	1B	QL(4 ea daily)			
<i>valacyclovir hcl</i> 500 MG	1B	QL(2 ea daily)			
<b>Influenza Agents</b>					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Calcium Channel Blockers</b>		
<i>amlodipine besylate TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 30 MG, 60 MG, 90 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
<b>Cardiac Glycosides</b>		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG ( <i>digoxin</i> )	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
VENTAVIS 10 MCG/ML	4	SP; PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS ( <i>ivabradine hcl</i> )	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 1st Generation			<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		Cephalosporins - 5th Generation		
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		TEFLARO	3	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>		
<i>cephalexin SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML</i>	1B		Combination Contraceptives - Oral		
Cephalosporins - 2nd Generation			<i>BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)</i>	0	
<i>cefaclor CAPS</i>	1B		<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1B		<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	NATAZIA	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B				
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B				
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B				
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0		<b>Progestin Contraceptives - Oral</b>		
<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
<i>norethindrone acet &amp; eth estra TABS</i>	0		OPILL	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		<b>Glucocorticosteroids</b>		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		CORTISONE ACETATE TABS	1B	
TYBLUME CHEW	0		<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<b>Combination Contraceptives - Transdermal</b>			<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<b>Combination Contraceptives - Vaginal</b>			<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<b>Emergency Contraceptives</b>			<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
ELLA	0		<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<b>Progestin Contraceptives - Injectable</b>			EMFLAZA SUSP ( <i>deflazacort</i> )	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMFLAZA TABS (deflazacort)	4	PA
hydrocortisone sod succinate 100 MG	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
hydrocortisone TABS	1B	
MEDROL TABS	3	
methylprednisolone acetate SUSP	1B	
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	1B	
methylprednisolone TABS	1B	
methylprednisolone TBPK 4 MG	1B	
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	1B	
prednisolone sodium phosphate TBDP	3	
prednisolone SOLN	1B	
prednisolone TABS	1B	
prednisone SOLN	1B	
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	1A	
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	1B	
prednisone TBPK	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	1B	
<b>Mineralocorticoids</b>		
fludrocortisone acetate TABS	1B	
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antitussives</b>		
benzonatate 100 MG	1B	QL(6 ea daily)
benzonatate 150 MG	1B	QL(4 ea daily)
benzonatate 200 MG	1B	QL(3 ea daily)
<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>		
hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	1B	
<b>Mucolytics</b>		
acetylcysteine SOLN	1B	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
<b>Acne Products</b>		
adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
adapalene CREA	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
adapalene GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>		
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<b>Antibiotics - Topical</b>		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<b>Antifungals - Topical</b>		
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
			<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)			
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B				
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)			
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)	OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>luliconazole</i>	1B	PA	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
			PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)
			Antipruritics - Topical		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)
			TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
			TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
<b>Antipsoriatics</b>			<b>Antiseborrheic Products</b>		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>Antivirals - Topical</b>		
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<b>Burn Products</b>		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	SULFAMYLON CREA	3	
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	<b>Corticosteroids - Topical</b>		
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA			
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
			<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
			<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
			<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
			<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
HALOG OINT	3	PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<b>Eczema Agents</b>		
DUPIXENT SOAJ SC 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ SC 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents</b>		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily); RX/OTC
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>			<b>Loop Diuretics</b>		
<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>			<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA	<i>torseamide TABS</i>	1B	
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<b>Diuretic Combinations</b>			<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
			<i>spironolactone TABS</i>	1B	
			<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
			<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
			<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
			<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
			<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
			<b>Bone Density Regulators</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA 200 UNIT/ACT</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN ( <i>teriparatide</i> )	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREGNYL IM	4	SP; PA
PREGNYL W/DILUENT BENZYLALCOHOL/NACL IM	4	SP; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS 0.25 MCG, 0.5 MCG</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Progesterone Receptor Antagonists		
<i>mifepristone</i>	0	QL(3 ea per 30 day(s) retail)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ( <i>octreotide acetate</i> )	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL ( <i>estradiol</i> )	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
5-HT4 Receptor Agonists		
MOTEGRITY	3	PA
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
<b>Urinary Analgesics</b>		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<b>Urinary Stone Agents</b>		
THIOLA EC TBEC 100 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
<b>Gout Agent Combinations</b>		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
<b>Gout Agents</b>		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>colchicine TABS</i>	1B	
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<b>Uricosurics</b>		
<i>probenecid</i>	1B	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
<b>Antihemophilic Products</b>		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
<b>Bradykinin B2 Receptor Antagonists</b>		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<b>Complement Inhibitors</b>		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
<b>Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors</b>		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Hematorheologic Agents</b>		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Plasma Kallikrein Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
<b>Platelet Aggregation Inhibitors</b>		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
<b>Agents for Gaucher Disease</b>		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Agents for Sickle Cell Disease</b>		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
<b>Cobalamins</b>		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
<b>Folic Acid/Folates</b>		
<i>folic acid TABS</i>	0	
<b>Hematopoietic Growth Factors</b>		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Orexin Receptor Antagonists</b>		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
<b>Selective Melatonin Receptor Agonists</b>		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
<b>Bulk Laxatives</b>		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
<b>Laxative Combinations</b>		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
<b>Laxatives - Miscellaneous</b>		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
<b>Saline Laxatives</b>		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
<b>Stimulant Laxatives</b>		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
<b>Surfactant Laxatives</b>		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
<b>Local Anesthetics - Amides</b>		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Azithromycin</b>		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<b>Clarithromycin</b>		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
<b>Erythromycins</b>		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Fidaxomicin			KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>			KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>Contraceptives</b>			KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	<b>Diabetic Supplies</b>		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>		
<b>Bicarbonates</b>		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1B	
<b>Calcium</b>		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
<b>Electrolyte Mixtures</b>		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1B	
PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
<b>Fluoride</b>		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<b>Magnesium</b>		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
<b>Phosphate</b>		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
<b>Potassium</b>		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er 10 MEQ, 15 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN OR 10 %</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<b>Sodium</b>			<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate sodium 180 MG, 360 MG</i>	1B	
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>			NULOJIX	4	SP; PA
<b>Chelating Agents</b>			PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	SIMULECT	3	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<b>Immunomodulators</b>			<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<b>Irrigation Solutions</b>		
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<b>Immunosuppressive Agents</b>			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
ATGAM IV	4	SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B		<b>Potassium Removing Agents</b>		
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
			<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
			<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anesthetics Topical Oral			KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)	M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Anti-infectives - Throat			MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
DEBACTEROL	2		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Dental Products			ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>MULTIVITAMINS</b>			PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC			
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)	<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)	<b>Direct Muscle Relaxants</b>		
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<b>Nasal Antiallergy</b>		
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<b>Nasal Anticholinergics</b>		
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>			<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<b>Central Muscle Relaxants</b>			<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B		<b>Nasal Steroids</b>		
<i>carisoprodol TABS</i>	1B		<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 package(s) per fill retail
			<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
			<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
			<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
			XHANCE EXHU	3	PA
			<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALS Agents			AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>riluzole TABS</i>	3		BACIGUENT	3	
<b>NUTRIENTS</b>			<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
Proteins			<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3		<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3		<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3		<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>			<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
Beta-blockers - Ophthalmic			KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		NATACYN	2	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>trifluridine</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		ZIRGAN GEL	2	
Miotics			Ophthalmic Immunomodulators		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Adrenergic Agents			Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		Ophthalmic Steroids		
IOPIDINE	3		ALREX SUSP ( <i>loteprednol etabonate</i> )	3	PA
Ophthalmic Anti-infectives					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
<b>OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear</b>		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethindrone acetate</i> TABS	0	
<i>progesterone</i> CAPS	1B	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1A	
<i>disulfiram</i>	1A	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	
LUCEMYRA ( <i>lofexidine hcl</i> )	2	
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 10 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 5 MG, 23 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 10 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 5 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> CP24	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> SOLN	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl</i> TABS	1B	
<i>memantine hcl</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate</i> CAPS	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate</i> CDPK	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate</i> CPDR	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 40 MG/ML	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 20 MG/ML	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ SC	4	QL(0.036 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Infections</b>		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS 15 MG, 30 MG, 60 MG, 90 MG, 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>H-2 Antagonists</b>			<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>cimetidine hcl OR 300 MG/5ML</i>	1B	QL(20 ml daily)	<b>Ulcer Drugs - Prostaglandins</b>		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>misoprostol</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		<b>Ulcer Therapy Combinations</b>		
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A		<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)	<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC	<b>Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)</b>		
<i>nizatidine CAPS</i>	1B		<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B		<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<b>Misc. Anti-Ulcer</b>			<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxybutynin chloride TB24 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	
<b>Proton Pump Inhibitors</b>					
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)			
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)			
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC			
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B				
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)			
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists					
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants					
<i>flavoxate hcl</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<b>VACCINES</b>					
Bacterial Vaccines					
ACTHIB SOLR IM	0		AREXVY	0	
BEXSERO	0		COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
HIBERIX SOLR IJ	0		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
MENACTRA	0		COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
MENQUADFI	0		COMIRNATY SUSP	0	
MENVEO SOLR	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
PEDVAX HIB SUSP 7.5 MCG/0.5ML	0				
PNEUMOVAX 23 IJ	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
PNEUMOVAX 23/1 DOSE IJ	0				
PREVNAR 13	0		FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA	0		FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
HAVRIX	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0				
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0				
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RECOMBIVAX HB SUSP 5 MCG/0.5ML, 10 MCG/ML, 40 MCG/ML	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR IJ	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	0	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL (At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	30	acyclovir CAPS .....	32	AIMOVIG .....	54
abacavir sulfate TABS .....	30	acyclovir SUSP .....	32	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	52
abacavir sulfate-lamivudine .....	30	acyclovir TABS OR .....	32	AKYNZEO .....	18
ABELCET .....	18	acyclovir topical CREA .....	40	albendazole .....	8
abiraterone acetate 250 MG .....	25	acyclovir topical OINT .....	40	albuterol sulfate AERS .....	10
abiraterone acetate 500 MG .....	25	ADACEL SUSP .....	64	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	10
ABRYSVO .....	66	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML .....	10
acamprosate calcium .....	62	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	albuterol sulfate SYRP .....	10
acarbose .....	15	adapalene CREA .....	37	albuterol sulfate TABS .....	10
acebutolol hcl CAPS .....	32	adapalene GEL .....	37	alclometasone dipropionate CREA 40	
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	37	alclometasone dipropionate OINT .40	
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	24	ALDURAZYME .....	46
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	31	ALECENSA .....	26
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	ADEMPAS .....	34	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	45
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ....	6	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	64	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	45
acetazolamide CP12 .....	44	ADVAIR HFA AERO (fluticasone- salmeterol) .....	10	alfuzosin hcl .....	48
acetazolamide sodium .....	44	ADVATE .....	49	ALINIA SUSR .....	22
acetazolamide TABS 125 MG .....	44	ADYNOVATE .....	49	aliskiren fumarate .....	21
acetazolamide TABS 250 MG .....	44	AFLURIA 2024-2025 SUSP .....	66	allopurinol 100 MG, 300 MG .....	48
acetic acid (otic) .....	60	AFLURIA 2024-2025 SUSY .....	66	almotriptan malate 12.5 MG .....	54
acetic acid 0.25 % .....	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	66	almotriptan malate 6.25 MG .....	54
acetylcysteine SOLN .....	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	66	ALOCRIL .....	60
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	66	alogliptin benzoate .....	16
acitretin 25 MG .....	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	66	alogliptin-metformin hcl .....	15
ACTHAR GEL .....	45	AFSTYLA .....	49	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....	15
ACTHIB SOLR IM .....	66			alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG .....	15
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML ....	27				



ALOMIDE .....	60	amitriptyline hcl TABS .....	14	3.75 MG .....	1
alose tron hcl .....	48	amlodipine besylate TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG .....	33	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG .....	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG .....	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium .....	34	amphetamine-dextroamphetamine CP24 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
alprazolam TABS 2 MG .....	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20 .....		amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG .....	1
alprazolam TB24 .....	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil .....	20		
alprazolam TBDP .....	8	amlodipine besylate-valsartan .....	20		
ALPROLIX .....	49	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide .....	20		
ALREX SUSP (lote prednol etabonate) .....	59	amoxapine .....	14		
ALTABAX .....	38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW 61 .....		amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
ALTUVIIIO .....	49	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61 .....		amphotericin b IV .....	18
ALUNBRIG TABS .....	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61 .....		amphotericin b liposome .....	18
ALUNBRIG TBPk .....	26	amoxicillin CAPS .....	61	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM .....	61
ALVESCO .....	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG 61 .....		ampicillin CAPS 500 MG .....	61
alvimopan .....	48	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML .....	61	ampicillin sodium IJ 1 GM .....	61
amantadine hcl CAPS .....	28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML .....	61	anagrelide hcl .....	49
amantadine hcl SOLN .....	28	amoxicillin TABS .....	61	anastrozole .....	25
amantadine hcl TABS .....	28	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK .....	65	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR .....	7
ambrisentan .....	34			ANNOVERA .....	36
amcinonide CREA .....	40			ANORO ELLIPTA .....	10
amcinonide LOTN .....	40			ANZEMET TABS 50 MG .....	17
amcinonide OINT .....	40			APIDRA SOLN .....	16
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML .....	2			APIDRA SOLOSTAR SOPN .....	16
amiloride & hydrochlorothiazide .....	44			apomorphine hydrochloride SOCT .....	28
amiloride hcl TABS .....	44			apraclonidine hcl .....	59
aminocaproic acid TABS .....	50				
aminophylline SOLN .....	10				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML .....	9				
amiodarone hcl TABS .....	9				

aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 18	aspirin TBEC 81 MG ..... 5	azathioprine TABS ..... 56
aprepitant CAPS 80 MG ..... 18	aspirin-dipyridamole ..... 49	azelaic acid GEL ..... 43
aprepitant CAPS ..... 18	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG ..... 30	azelastine hcl (ophth) ..... 60
aprepitant MISC ..... 18	atazanavir sulfate CAPS 200 MG . 30	azelastine hcl ..... 58
APTIOM ..... 11	atenolol & chlorthalidone ..... 20	AZELEX ..... 37
APTIVUS CAPS ..... 30	atenolol TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG ..... 32	azithromycin PACK ..... 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML ..... 50	ATGAM IV ..... 56	azithromycin SOLR ..... 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML ..... 49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG ..... 1	azithromycin SUSR ..... 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ... 50	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG ..... 1	azithromycin TABS 250 MG ..... 51
ARCALYST ..... 4	atorvastatin calcium TABS ..... 19	azithromycin TABS 500 MG ..... 51
AREXVY ..... 66	atovaquone ..... 22	azithromycin TABS 600 MG ..... 51
arformoterol tartrate ..... 10	atovaquone-proguanil hcl ..... 22	aztreonam 1 GM ..... 22
ARIKAYCE ..... 2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML ..... 64	BACIGUENT ..... 59
aripiprazole SOLN OR ..... 30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML ..... 64	bacitracin (ophthalmic) ..... 59
aripiprazole TABS ..... 30	ATROVENT HFA ..... 9	bacitracin ..... 21
armodafinil ..... 2	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk ..... 62	baclofen TABS 10 MG, 20 MG .... 58
ARMOUR THYROID TABS 15 MG, 30 MG, 60 MG, 90 MG, 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG ..... 64	AUSTEDO TABS ..... 62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) ..... 35
ARNUITY ELLIPTA ..... 9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK ..... 62	balsalazide disodium CAPS ..... 47
arsenic trioxide 10 MG/10ML ..... 28	AUSTEDO XR TB24 ..... 62	BALVERSA ..... 26
ARZERRA ..... 24	AVONEX PEN AJKT ..... 62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11
asenapine maleate 2.5 MG ..... 29	AVONEX PSKT ..... 62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11
asenapine maleate 5 MG, 10 MG . 29	AYVAKIT ..... 26	BARACLUDE SOLN ..... 31
aspirin CHEW ..... 5	azacitidine SUSR ..... 24	BASAGLAR KWIKPEN SOPN ..... 16
aspirin TABS 325 MG ..... 5	AZASITE ..... 59	BAXDELA SOLR ..... 47
aspirin TBEC 325 MG ..... 5	AZATHIOPRINE ..... 56	BAXDELA TABS ..... 47
		BELSOMRA ..... 51
		benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ... 20

benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG .. 20	betamethasone dipropionate augmented OINT ..... 41	BRAFTOVI 75 MG ..... 26
benazepril hcl 5 MG, 10 MG, 20 MG, 40 MG ..... 20	betamethasone valerate CREA ... 41	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol) ..... 10
bendamustine hcl SOLR ..... 23	betamethasone valerate FOAM ... 41	BREO ELLIPTA ..... 10
BENEFIX KIT ..... 49	betamethasone valerate LOTN ... 41	BREZTRI AEROSPHERE ..... 10
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	betamethasone valerate OINT .... 41	BRILINTA ..... 49
BENZEPRO FOAM 5.3 % ..... 37	BETASERON KIT ..... 62	brimonidine tartrate (topical) ..... 43
benzonatate 100 MG ..... 37	betaxolol hcl (ophth) SOLN ..... 59	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 59
benzonatate 150 MG ..... 37	betaxolol hcl ..... 32	brimonidine tartrate-timolol maleate . 59
benzonatate 200 MG ..... 37	bethanechol chloride 25 MG ..... 66	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % ..... 38	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG ..... 66	BRIVIACT TABS ..... 11
benzoyl peroxide GEL 10 % ..... 38	bexarotene (topical) ..... 39	BRIXADI SOSY ..... 7
benzoyl peroxide GEL 5 % ..... 38	bexarotene ..... 28	bromfenac sodium (ophth) ..... 60
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % ..... 38	BEXSERO ..... 66	bromocriptine mesylate CAPS .... 28
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37	bicalutamide ..... 25	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG ..... 28
benztropine mesylate SOLN ..... 28	BIKTARVY ..... 30	BRUKINSA ..... 26
benztropine mesylate TABS ..... 28	bimatoprost SOLN ..... 60	budesonide (inhalation) SUSP ..... 9
bepotastine besilate ..... 60	bisacodyl SUPP ..... 51	budesonide (intrarectal) ..... 7
betaine ..... 46	bisacodyl TBEC ..... 51	budesonide (nasal) ..... 58
betamethasone dipropionate (topical) CREA ..... 40	bisoprolol & hydrochlorothiazide .. 20	budesonide CPEP ..... 36
betamethasone dipropionate (topical) LOTN ..... 41	bisoprolol fumarate ..... 32	budesonide-formoterol fumarate dihydrate ..... 10
betamethasone dipropionate (topical) OINT 0.05 % ..... 41	bleomycin sulfate 15 UNIT ..... 26	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ... 44
betamethasone dipropionate augmented CREA ..... 41	BOOSTRIX SUSP ..... 64	bumetanide TABS ..... 44
betamethasone dipropionate augmented LOTN ..... 41	BOOSTRIX SUSY ..... 64	buprenorphine hcl SOLN ..... 7
	bortezomib SOLR IJ ..... 26	buprenorphine hcl SUBL ..... 7
	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG .. 26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL ..... 7
	bosentan TABS 125 MG ..... 34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL ..... 7
	bosentan TABS 62.5 MG ..... 34	
	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 26	
	BOSULIF TABS 400 MG ..... 26	

buprenorphine PTWK .....	7	CABLIVI .....	49	carbamazepine CP12 300 MG .....	11
bupropion hcl (smoking deterrent) .....	63	CABOMETYX TABS .....	26	carbamazepine SUSP .....	12
bupropion hcl TABS 75 MG, 100 MG 13		calcipotriene CREA .....	40	carbamazepine TABS .....	12
bupropion hcl TB12 100 MG .....	13	calcipotriene OINT .....	40	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	12
bupropion hcl TB12 150 MG .....	13	calcipotriene SOLN .....	40	carbamazepine TB12 200 MG .....	12
bupropion hcl TB12 200 MG .....	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	41	carbidopa .....	28
bupropion hcl TB24 150 MG .....	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	41	carbidopa-levodopa TABS .....	28
bupropion hcl TB24 300 MG .....	13	calcitonin (salmon) NA 200 UNIT/ACT .....	45	carbidopa-levodopa TBCR .....	29
bupirone hcl 5 MG .....	8	calcitriol (topical) .....	40	carbidopa-levodopa TBDP .....	29
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG .....	8	calcitriol CAPS 0.25 MCG, 0.5 MCG . 46		carbidopa-levodopa-entacapone .	28
busulfan SOLN .....	23	calcitriol SOLN IV .....	46	carbinoxamine maleate SOLN .....	18
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....	5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....	48	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18	
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	5	calcium acetate (phosphate binder) TABs .....	48	carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....	23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	5	calcium chloride (dihydrate) SOLN	55	carisoprodol TABS .....	58
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG .....	5	calcium polycarbophil TABS .....	51	carmustine .....	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6	CALQUENCE .....	26	carteolol hcl (ophth) .....	59
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6	candesartan cilexetil .....	20	carvedilol 3.125 MG, 6.25 MG, 12.5 MG, 25 MG .....	32
butalbital-aspirin-caffeine CAPS .....	5	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide .....	20	carvedilol phosphate .....	32
butalbital-aspirin-caffeine w/cod .....	6	capecitabine .....	24	caspofungin acetate .....	18
butenafine hcl .....	38	CAPRELSA .....	26	CAYA DPRH .....	52
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	7	captopril 12.5 MG .....	20	CAYSTON .....	22
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	20	cefaclor CAPS .....	35
cabergoline .....	46	carbamazepine CHEW .....	11	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....	35
		carbamazepine CP12 100 MG .....	11	cefadroxil CAPS .....	35
		carbamazepine CP12 200 MG .....	12	cefadroxil SUSR .....	35
				cefadroxil TABS .....	35
				cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....	35

cefdinir CAPS .....	35	chlordiazepoxide hcl CAPS .....	8	cidofovir .....	31
cefdinir SUSR .....	35	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide .....	65	cilostazol .....	49
cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	35	chlordiazepoxide-amitriptyline .....	62	CIMDUO .....	30
cefixime CAPS .....	35	chlorhexidine gluconate (mouth- throat) .....	57	cimetidine hcl OR 300 MG/5ML ...	65
cefixime SUSR .....	35	chloroquine phosphate TABS 250 MG .....	23	cimetidine TABS .....	65
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	35	chloroquine phosphate TABS 500 MG .....	23	cinacalcet hcl .....	46
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	35	chlorpromazine hcl SOLN .....	30	CIPRO SUSR .....	47
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	35	chlorpromazine hcl TABS .....	30	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ....	59
cefpodoxime proxetil SUSR .....	35	chlorthalidone 25 MG, 50 MG ....	44	ciprofloxacin hcl (otic) .....	60
cefpodoxime proxetil TABS .....	35	chlorzoxazone TABS 500 MG ....	58	ciprofloxacin hcl TABS .....	47
cefprozil SUSR .....	35	chlorzoxazone TABS 750 MG ....	58	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML .....	47
cefprozil TABS .....	35	CHOLBAM .....	47	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML .....	47
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM .....	35	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT .....	69	ciprofloxacin-dexamethasone .....	60
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG .....	35	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....	69	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	60
ceftriaxone sodium IJ 250 MG ....	35	cholestyramine light PACK .....	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ....	23
cefuroxime axetil TABS .....	35	cholestyramine light POWD .....	19	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG ....	35	cholestyramine PACK .....	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG .....	13
celecoxib .....	4	cholestyramine POWD .....	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG .....	13
CELONTIN (methsuximide) .....	13	choline fenofibrate .....	19	clarithromycin SUSR .....	51
cephalexin CAPS .....	35	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45		clarithromycin TABS .....	51
cephalexin SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML .....	35	ciclopirox GEL .....	38	clarithromycin TB24 .....	51
CERDELGA .....	49	ciclopirox olamine CREA .....	38	CLASSIC PRENATAL TABS .....	57
CEREZYME 400 UNIT .....	49	ciclopirox olamine SUSP .....	38	clemastine fumarate SYRP .....	18
cetirizine hcl TABS .....	19	ciclopirox SHAM .....	38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18
cevimeline hcl .....	57	ciclopirox SOLN .....	39		
CHEMET .....	17				
CHEMSTRIP-K STRP .....	43				
chloramphenicol sodium succinate 22					

CLIMARA PRO .....	46	0.05 % .....	41	clozapine TBDP 25 MG .....	29
clindamycin hcl .....	22	clobetasol propionate FOAM .....	41	COARTEM .....	23
clindamycin palmitate hydrochloride . 22		clobetasol propionate GEL 0.05 %	41	codeine sulfate TABS 30 MG .....	5
clindamycin phosphate (topical) FOAM .....	38	clobetasol propionate OINT 0.05 %	41	CODEINE SULFATE TABS .....	5
clindamycin phosphate (topical) GEL 38		clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	41	colchicine TABS .....	49
clindamycin phosphate (topical) LOTN .....	38	clocortolone pivalate .....	41	colchicine w/ probenecid .....	48
clindamycin phosphate (topical) SOLN .....	38	clofarabine .....	24	colesevelam hcl PACK .....	19
clindamycin phosphate (topical) SWAB .....	38	clomipramine hcl .....	14	colesevelam hcl TABS .....	19
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	22	clonazepam TABS .....	11	colestipol hcl GRAN .....	19
clindamycin phosphate vaginal CREA .....	69	clonidine .....	20	colestipol hcl PACK .....	19
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	38	clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1	colestipol hcl TABS .....	19
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	38	clonidine hcl TABS .....	20	COMETRIQ KIT .....	26
clindamycin phosphate-tretinoin ..	38	clopidogrel bisulfate 300 MG .....	49	COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 59		clopidogrel bisulfate 75 MG .....	49	COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 59		clorazepate dipotassium TABS .....	8	COMIRNATY 2024-25 SUSY .....	66
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 59		clotrimazole (topical) CREA .....	39	COMIRNATY SUSP .....	66
clobazam SUSP .....	11	clotrimazole (topical) SOLN .....	39	COMPLERA .....	30
clobazam TABS .....	11	clotrimazole .....	57	CONTRACE .....	1
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 41		clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	69	COPIKTRA .....	26
clobetasol propionate emollient base		clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	39	CORDRAN TAPE .....	41
		clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	39	CORLANOR SOLN .....	34
		clozapine TABS 100 MG .....	29	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34	
		clozapine TABS 200 MG .....	29	CORTISONE ACETATE TABS .....	36
		clozapine TABS 25 MG, 50 MG ...	29	CORTISPORIN-TC .....	60
		clozapine TBDP 100 MG .....	30	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	40
		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 30		COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	40
		clozapine TBDP 200 MG .....	29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	40
				COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	40
				CREON CPEP .....	44

CRESEMBA CAPS OR 186 MG ...18	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....3	deferasirox TABS ..... 17
cromolyn sodium (ophth) .....60	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UEVITIS AJKT ... 3	deferasirox TBSO ..... 17
cromolyn sodium NEBU .....9	cyproheptadine hcl SYRP .....19	deferiprone TABS 500 MG .....17
crotamiton LOTN .....43	cyproheptadine hcl TABS .....19	deflazacort SUSP .....36
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....57	CYTAGON CAPS ..... 48	deflazacort TABS ..... 36
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....49	CYSTARAN ..... 60	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....46
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG .....58	cytarabine SOLN .....24	DELSTRIGO ..... 30
cyclophosphamide CAPS .....23	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	demeclocycline hcl TABS .....64
cyclophosphamide SOLR IJ .....23	dacarbazine SOLR 200 MG ..... 28	DEPO-ESTRADIOL .....46
cycloserine .....23	dactinomycin ..... 26	DEPO-MEDROL SUSP .....36
cyclosporine (ophth) EMUL .....59	dalfampridine .....62	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....36
cyclosporine CAPS .....56	danazol CAPS .....7	desipramine hcl TABS ..... 14
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS .....56	dantrolene sodium CAPS .....58	desloratadine TABS .....19
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....56	dapagliflozin propanediol .....17	desloratadine TBDP 2.5 MG .....19
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG ..... 15	desmopressin acetate SOLN IJ ... 46
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.4ML ..... 3	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG .....15	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....46
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.8ML ..... 3	dapsone .....22	desmopressin acetate spray .....46
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML .....3	DAPTACEL .....64	desmopressin acetate spray refrigerated .....46
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....3	daptomycin 500 MG ..... 22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 46
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 40 MG/0.4ML .....3	darifenacin hydrobromide .....65	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 46
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 40 MG/0.8ML .....3	darunavir TABS 600 MG .....30	desogestrel & ethinyl estradiol ....35
	darunavir TABS 800 MG .....30	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....35
	dasatinib .....26	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....35
	DAURISMO .....25	desonide CREA .....41
	DEBACTEROL .....57	desonide LOTN .....41
	decitabine .....24	
	deferasirox PACK .....17	

desonide OINT .....41	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG .....1	diflorasone diacetate OINT ..... 41
desoximetasone CREA 0.25 % ....41	dextrose in lactated ringers ..... 55	diflunisal TABS .....5
desoximetasone GEL .....41	DIACOMIT CAPS 250 MG .....12	difluprednate ..... 60
desoximetasone OINT 0.25 % ....41	DIACOMIT CAPS 500 MG .....12	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ...33
desvenlafaxine succinate 100 MG .14	DIACOMIT PACK 250 MG .....12	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....33
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG ..... 14	DIACOMIT PACK 500 MG .....12	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML ..... 54
dexamethasone ELIX .....36	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	DILANTIN (phenytoin sodium extended) ..... 13
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....36	diazepam CONC .....8	DILANTIN .....13
dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....60	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML ... 8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) ..... 13
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....36	diazepam TABS .....8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML ..... 36	diazoxide ..... 16	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG ..... 33
dexamethasone SOLN .....36	dichlorphenamide ..... 44	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG ..... 33
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG ..... 36	diclofenac epolamine PTCH EX ...39	diltiazem hcl CP12 .....33
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG ..... 36	diclofenac potassium TABS 50 MG .4	diltiazem hcl CP24 .....33
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....39	diltiazem hcl extended release beads .....33
dexlansoprazole .....65	diclofenac sodium (ophth) .....60	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..33
dexmethylphenidate hcl CP24 .....2	diclofenac sodium (topical) GEL EX 39	DILTIAZEM HCL SOLR .....33
dexmethylphenidate hcl TABS .....2	diclofenac sodium TB24 100 MG ... 4	diltiazem hcl TABS .....33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....1	diclofenac sodium TBEC .....4	diltiazem hcl TB24 ..... 33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....1	diclofenac w/ misoprostol TBEC ....4	dimethyl fumarate CDPK ..... 62
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	dicloxacillin sodium .....61	dimethyl fumarate CPDR ..... 62
	dicyclomine hcl CAPS ..... 65	DIPENTUM .....47
	dicyclomine hcl SOLN OR 10 MG/5ML .....65	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18
	dicyclomine hcl TABS .....65	diphenhydramine hcl ELIX 12.5
	DIFFERIN LOTN .....38	
	DIFICID TABS ..... 52	
	diflorasone diacetate CREA ..... 41	



MG/5ML .....	18	doxepin hcl (sleep) .....	50	DUPIXENT SOAJ SC 200	
diphenhydramine hcl SOLN 50		doxepin hcl CAPS .....	14	MG/1.14ML .....	42
MG/ML .....	18	doxepin hcl CONC .....	14	DUPIXENT SOAJ SC 300 MG/2ML	
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxercalciferol CAPS .....	46	42	
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxercalciferol SOLN .....	46	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS		doxorubicin hcl liposomal IV .....	26	42	
ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..	64	doxorubicin hcl SOLN .....	26	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	
dipyridamole .....	49	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG		42	
disopyramide phosphate CAPS .....	9	.....	26	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42
disulfiram .....	62	doxycycline (monohydrate) CAPS 50		DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
divalproex sodium TB24 .....	13	MG, 100 MG .....	64	DEVI .....	52
divalproex sodium TBEC .....	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75		DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
docetaxel CONC 20 MG/ML .....	28	MG .....	64	MISC .....	52
docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	28	doxycycline (monohydrate) TABS		DUREX TROPICAL MISC .....	52
docusate calcium .....	51	100 MG .....	64	dutasteride .....	48
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50		dutasteride-tamsulosin hcl .....	48
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	MG, 75 MG .....	64	econazole nitrate CREA .....	39
dofetilide .....	9	doxycycline hyclate CAPS 50 MG,		EDARBI .....	20
donepezil hydrochloride TABS 10		100 MG .....	64	EDURANT .....	30
MG .....	62	doxycycline hyclate SOLR .....	64	efavirenz CAPS 200 MG .....	30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG,		doxycycline hyclate TABS 20 MG,		efavirenz CAPS 50 MG .....	30
23 MG .....	62	100 MG .....	64	efavirenz TABS .....	30
donepezil hydrochloride TBDP 10		doxylamine-pyridoxine TBEC .....	18	efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
MG .....	62	dronabinol CAPS .....	18	disoproxil fumarate .....	30
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG		drosiprenone-ethinyl estradiol ....	35	efavirenz-lamivudine-tenofovir	
62		drosiprenone-ethinyl estradiol-		disoproxil fumarate .....	30
DOPTLET .....	50	levomefolate calcium .....	35	EGRIFTA 2 MG .....	45
dorzolamide hcl .....	60	DROXIA CAPS .....	49	EGRIFTA SV .....	45
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	DUAVEE .....	46	ELAPRASE .....	46
DOVATO .....	30	DULERA .....	10	electrolyte-148 .....	55
doxazosin mesylate .....	20	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG,		electrolyte-a .....	55
doxepin hcl (antipruritic) .....	40	60 MG .....	14	ELESTRIN GEL .....	47
		duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	eletriptan hydrobromide .....	54

ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	25	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4	EQUETRO 200 MG .....	29
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	25	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4	EQUETRO 300 MG .....	29
ELIQUIS STARTER PACK TBPk .	10	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	66	ERAXIS .....	18
ELIQUIS TABS .....	10	ENGERIX-B SUSY .....	66	ERBITUX .....	25
ELLA .....	36	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	11	ergocalciferol CAPS .....	70
ELMIRON CAPS .....	48	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	11	ergocalciferol SOLN OR .....	70
ELOCTATE .....	49	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	11	ergoloid mesylates TABS .....	63
EMCYT .....	25	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	11	ERGOMAR SUBL .....	54
EMFLAZA SUSP (deflazacort) ....	36	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	11	ergotamine w/ caffeine TABS .....	54
EMFLAZA TABS (deflazacort) ....	37	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	11	eribulin mesylate .....	28
EMGALITY SOAJ .....	54	ENSPRYNG .....	56	ERIVEDGE .....	25
EMGALITY SOSY 100 MG/ML ....	54	entacapone .....	28	ERLEADA 240 MG .....	25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML ....	54	entecavir TABS .....	32	ERLEADA 60 MG .....	25
EMSAM .....	13	EPIDIOLEX .....	12	erlotinib hcl .....	25
emtricitabine CAPS .....	30	epinastine hcl (ophth) .....	60	ERTACZO .....	39
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG .....	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	69	ertapenem sodium IJ .....	22
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	31	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	69	erythromycin (acne aid) PADS ....	38
EMTRIVA SOLN .....	31	EPIVIR HBV SOLN .....	32	erythromycin (acne aid) SOLN ....	38
EMVERM CHEW .....	8	eplerenone .....	21	erythromycin (ophth) .....	59
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 21		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	50	erythromycin base CPEP .....	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 21		epoprostenol sodium .....	34	erythromycin base TABS .....	51
enalapril maleate TABS .....	20	EQL PRENATAL FORMULA TABS 57		erythromycin base TBEC .....	51
ENBREL MINI SOCT .....	4	EQUETRO 100 MG .....	29	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
ENBREL SOLN .....	4			erythromycin ethylsuccinate TABS 51	
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4			escitalopram oxalate SOLN .....	13
				escitalopram oxalate TABS 10 MG 14	
				escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	
				escitalopram oxalate TABS 5 MG . 14	

esomeprazole magnesium CPDR 20 MG .....	65	etravirine 200 MG .....	31	febuxostat .....	49
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG .....	65	EUCRISA .....	43	felbamate SUSP .....	12
esomeprazole magnesium TBEC ..	65	EVAMIST SOLN .....	47	felbamate TABS 400 MG .....	12
ESPEROCT .....	49	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	56	felbamate TABS 600 MG .....	12
estazolam .....	50	everolimus (immunosuppressant) 1 MG .....	56	felodipine .....	33
estradiol GEL 0.06 % .....	47	everolimus TABS .....	26	FEMCAP DEVI .....	52
estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM .....	47	EVOTAZ .....	31	FEMRING .....	69
estradiol PTTW .....	47	exemestane .....	25	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19
estradiol PTWK .....	47	ezetimibe .....	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....	19
estradiol TABS .....	47	ezetimibe-simvastatin .....	19	fenoprofen calcium TABS .....	4
estradiol vaginal CREA .....	69	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	32	FENSOLVI SC .....	45
estradiol vaginal TABS .....	69	famciclovir 500 MG .....	32	fentanyl citrate LPOP 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG .....	5
estradiol valerate .....	47	famotidine in nacl SOLN .....	65	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR .....	5
ESTROGEL GEL (estradiol) .....	47	famotidine SOLN 20 MG/2ML .....	65	ferrous fumarate-folic acid .....	50
eszopiclone .....	50	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML .....	65	ferrous sulfat SOLN 15 MG/ML ..	50
ethacrynic acid .....	44	famotidine SUSR .....	65	ferrous sulfat TABS 65 MG, 325 MG .....	50
ethambutol hcl TABS .....	23	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65	ferrous sulfat TBEC 325 MG .....	50
ethosuximide CAPS .....	13	FANAPT .....	29	fesoterodine fumarate .....	65
ethosuximide SOLN .....	13	FANAPT TITRATION PACK .....	29	FETZIMA CP24 .....	14
ethynodiol diacet & eth estrad .....	35	FANTASY LUBRICATED MISC ...	52	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	14
etodolac CAPS .....	4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52	finasteride .....	48
etodolac TABS .....	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol) .....	17	fingolimod hcl .....	62
etonogestrel-ethinyl estradiol .....	36	FARXIGA .....	17	FIRDAPSE .....	23
ETOPOPHOS .....	28	FASENRA PEN SOAJ .....	9	FIRMAGON 80 MG, 120 MG/VIAL	25
etoposide CAPS .....	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML .....	9	flavoxate hcl .....	66
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	28	FC2 FEMALE CONDOM .....	52		
etravirine 100 MG .....	31				

flecainide acetate .....	9	FLULAVAL 2024-2025 SUSY .....	67	fluoxetine hcl CPDR .....	14
floxuridine .....	24	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	67	fluoxetine hcl SOLN .....	14
FLUAD 2024-2025 .....	66	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 .....	66	flumazenil 0.5 MG/5ML, 1 MG/10ML . 17		fluoxetine hcl TABS 20 MG .....	14
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 .....	66	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025 .....	67	fluphenazine hcl CONC .....	30
FLUARIX 2024-2025 SUSY .....	67	FLUMIST QUADRIVALENT .....	67	fluphenazine hcl ELIX .....	30
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	67	flunisolide (nasal) 0.025 % .....	58	fluphenazine hcl SOLN .....	30
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	67	fluocinolone acetonide (otic) .....	60	flurandrenolide CREA .....	41
FLUBLOK 2024-2025 SOSY .....	67	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41		flurandrenolide LOTN .....	41
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023 .....	67	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % .....	41	flurazepam hcl 15 MG, 30 MG .....	50
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024 .....	67	fluocinolone acetonide OIL .....	41	flurbiprofen sodium .....	60
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	67	fluocinolone acetonide OINT .....	41	flurbiprofen TABS .....	4
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	67	fluocinolone acetonide SOLN .....	41	flutamide .....	25
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	67	fluocinonide CREA 0.05 % .....	41	fluticasone furoate-vilanterol .....	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	67	fluocinonide CREA 0.1 % .....	41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB .....	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	67	fluocinonide emulsified base .....	41	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58	
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	67	fluocinonide GEL .....	41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41	
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	67	fluocinonide OINT .....	41	fluticasone propionate hfa .....	10
fluconazole SUSR .....	18	fluocinonide SOLN .....	41	fluticasone propionate LOTN .....	41
fluconazole TABS .....	18	fluorometholone (ophth) SUSP ...	60	fluticasone propionate OINT .....	42
flucytosine .....	18	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	39	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT .....	10
fludarabine phosphate SOLN .....	24	fluorouracil (topical) SOLN .....	39	fluticasone-salmeterol AERO .....	10
fludarabine phosphate SOLR .....	24	fluorouracil 500 MG/10ML .....	24	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
fludrocortisone acetate TABS .....	37	fluoxetine hcl CAPS 10 MG .....	14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19
		fluoxetine hcl CAPS 20 MG .....	14		
		fluoxetine hcl CAPS 40 MG .....	14		

fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	FORTEO SOPN (teriparatide) ..... 45	MG/5ML ..... 44
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG ..... 14	FOSAMAX PLUS D ..... 45	furosemide TABS ..... 44
FLUZONE 2024-2025 SUSP ..... 67	fosamprenavir calcium TABS ..... 31	FUZEON SOLR ..... 31
FLUZONE 2024-2025 SUSY ..... 67	fosfomycin tromethamine ..... 22	FYCOMPA TABS 2 MG ..... 11
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY ..... 67	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide ..... 21	FYCOMPA TABS 4 MG ..... 11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023 ..... 67	fosinopril sodium ..... 20	FYCOMPA TABS 6 MG ..... 11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024 ..... 67	fosphenytoin sodium ..... 13	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG ..... 11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP ..... 67	FRAGMIN SOSY ..... 11	gabapentin CAPS ..... 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY ..... 67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM ..... 53	gabapentin SOLN ..... 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP ..... 68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM ..... 53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY ..... 68	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	GALAFOLD ..... 46
FML FORTE SUSP ..... 60	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	galantamine hydrobromide CP24 .. 62
FML OINT ..... 60	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	galantamine hydrobromide SOLN .. 62
folic acid TABS ..... 49	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	galantamine hydrobromide TABS .. 62
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML ..... 61
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML ..... 61
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML . 11	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM ..... 53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR ..... 61
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	frovatriptan succinate ..... 54	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML ..... 61
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS ..... 43	fulvestrant SOSY ..... 25	GAMUNEX-C ..... 61
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT .. 43	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40	ganciclovir sodium SOLR ..... 31
formoterol fumarate NEBU ..... 10		ganirelix acetate ..... 45
		GARDASIL 9 SUSP ..... 68
		GARDASIL 9 SUSY ..... 68
		gatifloxacin (ophth) ..... 59
		gefitinib ..... 25

gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	24	6 MG .....	17	halcinonide CREA .....	42
gemfibrozil TABS .....	19	glyburide TABS .....	17	halobetasol propionate CREA .....	42
GENOTROPIN CART SC .....	45	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....	15	halobetasol propionate OINT .....	42
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45		glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....	15	HALOG OINT .....	42
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	48	haloperidol decanoate .....	29
gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	59	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....	65	haloperidol lactate CONC .....	29
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	59	glycopyrrolate TABS 1 MG .....	65	haloperidol lactate SOLN .....	29
gentamicin sulfate (topical) CREA .	38	glycopyrrolate TABS 2 MG .....	65	haloperidol TABS 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 5 MG, 10 MG .....	29
gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38	GLYXAMBI .....	15	haloperidol TABS 20 MG .....	29
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	GNP PRENATAL TABS .....	57	HAVRIX .....	68
GENVOYA .....	31	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....	43	HEMANGEOL SOLN OR .....	33
GILOTRIF .....	25	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	11
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	62	granisetron hcl TABS .....	17	HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	11
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	62	GRASTEK SUBL .....	2	HEPLISAV-B SOSY .....	68
GLEOSTINE 10 MG .....	24	griseofulvin microsize SUSP .....	18	HIBERIX SOLR IJ .....	66
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....	24	griseofulvin microsize TABS .....	18	HUMATROPE CART IJ .....	45
glimepiride 1 MG, 2 MG .....	17	griseofulvin ultramicrosize .....	18	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT ..	3
glimepiride 4 MG .....	17	guanfacine hcl (adhd) .....	1	HUMIRA PEN AJKT SC 40 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....	17	guanfacine hcl .....	20	HUMIRA PEN AJKT SC 80 MG/0.8ML .....	3
glipizide TB24 .....	17	GYNAZOLE-1 .....	69	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT SC .....	3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....	15	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.4ML .....	3	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT SC .....	3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....	15	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.8ML .....	3	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT SC .....	3
GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	43	HADLIMA SOSY 40 MG/0.4ML .....	3	HUMIRA PSKT 10 MG/0.1ML, 20	
glucagon (rdna) .....	16	HADLIMA SOSY 40 MG/0.8ML .....	3		
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG,		HAEGARDA SOLR SC .....	49		
		HALAVEN (eribulin mesylate) .....	28		

MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 42	hydroxyzine pamoate CAPS .....	8
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC .....	16	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....	HYPERSAL NEBU .....	37
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC .....	16	hydrocortisone acetate (rectal) .....	HYQVIA .....	61
HYCAMTIN CAPS .....	28	hydrocortisone acetate (rectal) .....	ibandronate sodium SOLN .....	45
hydralazine hcl SOLN .....	21	hydrocortisone butyrate CREA ....	ibandronate sodium TABS .....	45
hydralazine hcl TABS .....	21	hydrocortisone butyrate OINT .....	IBRANCE CAPS .....	26
hydrochlorothiazide CAPS .....	44	hydrocortisone butyrate SOLN ....	IBRANCE TABS .....	26
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44		hydrocortisone sod succinate 100 MG .....	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....	4
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG .....	44	hydrocortisone TABS .....	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	37	hydrocortisone vaginal .....	ibuprofen TABS 800 MG .....	4
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML .....	7	hydrocortisone valerate CREA ....	icatibant acetate SOLN .....	49
hydrocodone-acetaminophen SOLN . 6		hydrocortisone valerate OINT .....	icatibant acetate SOSY .....	49
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG .....	7	hydrocortisone w/acetic acid .....	ICLUSIG .....	26
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	7	hydromorphone hcl LIQD .....	icosapent ethyl 1 GM .....	19
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG .....	7	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	26
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG .....	7	hydromorphone hcl TABS .....	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	26
hydrocortisone (intrarectal) .....	7	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	IDELVION .....	49
hydrocortisone (rectal) EX .....	8	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG .....	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....	24
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % .....	42	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 23	ifosfamide SOLR .....	24
		hydroxychloroquine sulfate 200 MG 23	imatinib mesylate .....	26
		hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23	IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	26
		hydroxyurea .....	IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	26
		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	IMBRUVICA SUSP .....	26
		hydroxyzine hcl SYRP .....	IMBRUVICA TABS .....	26
		hydroxyzine hcl TABS .....	imipenem-cilastatin IV .....	22
			imipramine hcl TABS .....	14
			imipramine pamoate .....	14
			imiquimod 5 % .....	42
			IMPAVIDO .....	21

INCRELEX .....	45	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58	ivermectin (pediculicide) .....	43
INCRUSE ELLIPTA .....	9	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58	ivermectin .....	8
indapamide TABS 1.25 MG .....	44	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	IXEMPRA KIT 15 MG .....	28
indapamide TABS 2.5 MG .....	44	ipratropium-albuterol SOLN .....	JAKAFI .....	27
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	irbesartan .....	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	68
indomethacin CPCR .....	4	irbesartan-hydrochlorothiazide ...	JANUMET TABS .....	15
INFANRIX .....	64	IRESSA (gefitinib) .....	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	15
INFLECTRA SOLR .....	47	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	15
INGREZZA CAPS .....	62	irrigation solutions, physiological ..	JANUVIA .....	16
INGREZZA CPPK .....	62	ISENTRESS CHEW .....	JARDIANCE .....	17
INGREZZA CPSP .....	62	ISENTRESS HD TABS .....	JEVTANA .....	28
INLYTA .....	24	ISENTRESS TABS .....	JIVI .....	49
INREBIC .....	26	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	JULUCA .....	31
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16	ISOLYTE-S .....	JYNARQUE TBPB .....	46
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	isoniazid SOLN .....	KALYDECO TABS .....	63
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART	16	isoniazid SYRP .....	KAMELEON LUBRICATED MISC .	52
FLEXPEN SUPN .....	16	isoniazid TABS .....	KANJINTI .....	24
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	KCL 0.3%/D5W/NAACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	55
SUSP .....	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 34	KEPIVANCE 6.25 MG .....	28
INSULIN ASPART SOLN IJ .....	16	isosorbide mononitrate TABS .....	KESIMPTA .....	62
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....	16	isosorbide mononitrate TB24 .....	ketoconazole (topical) CREA .....	39
INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	16	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	39
INTELENCE 25 MG .....	31	isradipine CAPS .....	ketoconazole .....	18
INTRAROSA .....	69	itraconazole CAPS .....	KETONE STRP .....	43
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ...	55	itraconazole SOLN .....	KETONE TEST STRIPS STRP ...	43
IOPIDINE .....	59	ivabradine hcl TABS .....	ketoprofen CAPS 50 MG .....	4
IPOL INACTIVATED IPV .....	68		ketorolac tromethamine (ophth) ...	60



ketorolac tromethamine TABS ..... 4	KLOXXADO LIQD ..... 17	lamotrigine CHEW 5 MG ..... 12
KETOSTIX STRP ..... 43	KOGENATE FS KIT ..... 49	lamotrigine TABS 100 MG ..... 12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60	KOSELUGO ..... 27	lamotrigine TABS 150 MG ..... 12
KEVZARA SOAJ ..... 4	KOVALTRY ..... 49	lamotrigine TABS 200 MG ..... 12
KEVZARA SOSY ..... 4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS ..... 57	lamotrigine TABS 25 MG ..... 12
KIMONO COLORS DEVI ..... 52	KRINTAFEL ..... 23	lamotrigine TBDP ..... 12
KIMONO LUBRICATED MISC .... 52	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI ..... 52	LANOXIN SOLN IJ (digoxin) ..... 33
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC ..... 52	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ... 52	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) ..... 34
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	KYPROLIS ..... 27	lansoprazole CPDR 15 MG ..... 65
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC ..... 52	labetalol hcl SOLN ..... 32	lansoprazole CPDR 30 MG ..... 65
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32	lanthanum carbonate CHEW ..... 48
KIMONO PS LUBRICATED MISC .52	labetalol hcl TABS 300 MG ..... 32	lapatinib ditosylate ..... 27
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12	LASTACAFT ..... 60
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC ..... 52	lacosamide TABS ..... 12	latanoprost SOLN ..... 60
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	lactated ringer's (irrigation) ..... 56	leflunomide ..... 4
KIMONO SPECIAL DEVI ..... 52	lactated ringer's ..... 55	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG ..... 56
KINRIX SUSY ..... 64	lactic acid (ammonium lactate) CREA ..... 42	lenalidomide 20 MG ..... 56
KISQALI ..... 27	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % ..... 42	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ... 24
KISQALI FEMARA 200 DOSE .... 26	lactulose (encephalopathy) ..... 48	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ... 24
KISQALI FEMARA 400 DOSE .... 26	lactulose SOLN ..... 51	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ... 24
KISQALI FEMARA 600 DOSE .... 26	lamivudine (hbv) TABS ..... 32	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ... 24
KLARITY-A ..... 59	lamivudine SOLN ..... 31	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ... 24
	lamivudine TABS 150 MG ..... 31	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ... 24
	lamivudine TABS 300 MG ..... 31	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE .... 24
	lamivudine-zidovudine ..... 31	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE .... 24
	lamotrigine CHEW 25 MG ..... 12	letrozole ..... 25
		leucovorin calcium SOLR ..... 28
		leucovorin calcium TABS ..... 28
		LEUKERAN ..... 24

LEUKINE SOLR IJ .....	50	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) .....	35	lithium .....	29
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG .....	35	lithium carbonate CAPS .....	29
levabuterol hcl 0.31 MG/3ML, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	10	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) .....	35	lithium carbonate TABS .....	29
levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ....	10	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35		lithium carbonate TBCR .....	29
levabuterol tartrate .....	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG ....	5	LO LOESTRIN FE TABS .....	35
LEVEMIR FLEXPEN SOPN 100 UNIT/ML .....	16	levothyroxine sodium TABS .....	64	lofexidine hcl .....	62
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ....	16	LEXIVA SUSP .....	31	LOKELMA .....	56
LEVEMIR SOLN .....	16	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % .....	51	loperamide hcl CAPS 2 MG .....	17
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ..	57	lopinavir-ritonavir SOLN .....	31
levetiracetam TABS 1000 MG .....	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ..	57	lopinavir-ritonavir TABS .....	31
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG .....	12	lidocaine hcl GEL 2 % .....	42	loratadine CAPS .....	19
levetiracetam TABS 500 MG .....	12	lidocaine hcl PRSY .....	42	loratadine CHEW .....	19
levetiracetam TB24 .....	12	lidocaine hcl SOLN .....	43	loratadine SOLN .....	19
levobunolol hcl 0.5 % .....	59	lidocaine PTCH 5 % .....	43	loratadine TABS .....	19
levocetirizine dihydrochloride SOLN 19		lidocaine-prilocaine CREA .....	43	loratadine TBDP .....	19
levocetirizine dihydrochloride TABS 19		lincomycin hcl .....	22	lorazepam CONC .....	8
levofloxacin (ophth) 0.5 % .....	59	linezolid SUSR .....	22	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG ....	8
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML .....	47	linezolid TABS .....	22	lorazepam TABS 1 MG .....	8
levofloxacin SOLN OR .....	47	LINZESS .....	48	LORBRENA .....	27
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 47		liothyronine sodium SOLN .....	64	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG .....	21
levofloxacin TABS 500 MG .....	47	liothyronine sodium TABS .....	64	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 21	
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35		lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1 1		losartan potassium .....	20
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG .....	36	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1		LOTEMAX OINT .....	60
		lisinopril & hydrochlorothiazide ...	21	loteprednol etabonate GEL .....	60
		lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	20	loteprednol etabonate SUSP .....	60
				lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19
				lovastatin TABS 40 MG .....	19

loxapine succinate	30	MAXX LUBRICATED MISC	52	50 MG/ML, 100 MG/ML	5
lubiprostone	47	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5
LUCEMYRA (lofexidine hcl)	62	meclizine hcl TABS 12.5 MG	18	meperidine hcl TABS 50 MG	5
luliconazole	39	meclizine hcl TABS 25 MG	18	meprobamate	8
LUMIZYME	46	meclofenamate sodium CAPS	4	mercaptopurine TABS	24
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	MEDROL TABS	37	meropenem	22
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36	mesalamine CP24	47
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36	mesalamine CPDR	47
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate 10 MG	61	mesalamine ENEM	47
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	45	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	61	mesalamine SUPP	47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	46	mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 1.2 GM	47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45	mefloquine hcl	23	mesalamine TBEC 800 MG	47
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29	megestrol acetate (appetite)	61	metaxalone 800 MG	58
lurasidone hcl 80 MG	29	megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 1000 MG	16
LYNPARZA TABS	27	megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 500 MG	15
LYSODREN	25	MEKINIST TABS	27	metformin hcl TABS 850 MG	16
mafenide acetate PACK	40	MEKTOVI	27	metformin hcl TB24 500 MG	16
magnesium sulfate IJ 50 %	55	meloxicam TABS 7.5 MG, 15 MG	4	metformin hcl TB24 750 MG	16
malathion	43	melphalan	24	methadone hcl CONC	5
maraviroc TABS 150 MG	31	melphalan hcl IV	24	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	5
maraviroc TABS 300 MG	31	memantine hcl TABS	62	METHADONE HCL SOLN IJ	5
MARPLAN	13	MENACTRA	66	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5
MASONATAL TABS	57	MENEST	47	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML	5
MATULANE	28	MENOSTAR PTWK	47	methadone hcl TABS 10 MG	5
MAVYRET TABS	32	MENQUADFI	66	methadone hcl TABS 5 MG	5
MAXIDEX SUSP OP	60	MENVEO SOLR	66	methadone hcl TBSO	5
		meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML,		methamphetamine hcl	1
				methazolamide TABS	44

methenamine hippurate .....	22	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	43
methimazole TABS .....	64	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2	metronidazole (topical) LOTN .....	43
METHITEST TABS .....	7	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2	metronidazole TABS .....	21
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG .....	58	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole vaginal .....	69
METHOTREXATE .....	3	methylphenidate PTCH .....	2	mexiletine hcl .....	9
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....	24	methylprednisolone acetate SUSP 37 MG .....	2	micafungin sodium .....	18
methotrexate sodium SOLR .....	24	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	37	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG .....	69
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24		methylprednisolone TABS .....	37	midodrine hcl .....	69
methoxsalen rapid .....	40	methylprednisolone TBPK 4 MG ..	37	mifepristone .....	46
methscopolamine bromide .....	65	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	47	miglitol .....	15
methsuximide .....	13	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	47	miglustat .....	49
methyldopa TABS .....	20	metoclopramide hcl TABS .....	47	minocycline hcl CAPS .....	64
METHYLIN SOLN (methylphenidate hcl) .....	2	metolazone .....	44	minocycline hcl TABS .....	64
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .2		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	21	minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....	21
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 2		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG .....	21	MIRCERA .....	50
methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..2		metoprolol succinate TB24 200 MG 32		mirtazapine TABS 15 MG .....	13
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG .....	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	32	mirtazapine TABS 30 MG .....	13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG .....	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....	33	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13	
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2		metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	33	mirtazapine TBDP 15 MG .....	13
methylphenidate hcl CP24 .....	2	metronidazole (topical) CREA .....	43	mirtazapine TBDP 30 MG .....	13
methylphenidate hcl CPR .....	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %		mirtazapine TBDP 45 MG .....	13
methylphenidate hcl SOLN .....	2			misoprostol .....	65
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2			mitomycin SOLR IV 20 MG .....	26
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2				mitoxantrone hcl 2 MG/ML .....	26
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG .....	2			M-M-R II SOLR .....	68

MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....68	MOTEGRITY .....47	naloxone hcl SOSY 2 MG/2ML .... 17
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 68	MOTOFEN ..... 17	naltrexone hcl ..... 17
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY . 68	MOVANTIK .....48	naproxen sodium TABS 550 MG ... 4
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...68	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 59	naproxen SUSP .....4
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .68	moxifloxacin hcl in sodium chloride 47	naproxen TABS ..... 4
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....68	moxifloxacin hcl TABS .....47	naproxen TBEC 500 MG .....4
moexipril hcl .....20	MOZOBIL (plerixafor) ..... 50	naratriptan hcl .....54
mometasone furoate (nasal) SUSP 58	MULPLETA .....50	NATACYN .....59
mometasone furoate CREA .....42	MULTI PRENATAL TABS ..... 57	NATAZIA ..... 35
mometasone furoate OINT .....42	mupirocin OINT .....38	nateglinide .....16
mometasone furoate SOLN .....42	MVASI .....24	NAYZILAM ..... 11
montelukast sodium CHEW .....9	MYALEPT .....46	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 33
montelukast sodium PACK .....9	mycophenolate mofetil CAPS .....56	nebivolol hcl 20 MG .....33
montelukast sodium TABS .....9	mycophenolate mofetil TABS .....56	NEBUSAL NEBU ..... 37
morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG .....6	mycophenolate sodium 180 MG, 360 MG .....56	nefazodone hcl .....14
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....6	MYLERAN TABS .....24	nelarabine .....24
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML .....6	nabumetone ..... 4	neomycin sulfate TABS .....2
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML .....6	nadolol TABS 20 MG .....33	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 59
morphine sulfate TABS .....6	nadolol TABS 40 MG .....33	neomycin-polymy-dexameth OINT 60
morphine sulfate TBCR 15 MG, 30 MG, 60 MG, 100 MG, 200 MG .....6	nadolol TABS 80 MG .....33	neomycin-polymy-dexameth SUSP 60
	naftifine hcl CREA 1 % .....39	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...60
	naftifine hcl CREA 2 % .....39	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 60
	NAGLAZYME .....46	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 60
	nalbuphine hcl .....7	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....57
	naloxone hcl LIQD ..... 17	NEONATAL PLUS TABS .....57
	naloxone hcl SOCT .....17	
	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML .....17	

NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS .....	57	NICOTROL NS SOLN .....	63	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	36
NEONATAL VITAMIN TABS .....	57	nifedipine CAPS 10 MG .....	33	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	36
neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	nifedipine CAPS 20 MG .....	33	norethin acet & estrad-fe CHEW ..	36
NEO-SYNALAR .....	38	nifedipine TB24 30 MG, 60 MG, 90 MG .....	33	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG .....	36
NEUPRO .....	29	nifedipine TB24 60 MG .....	33	norethindrone & eth estradiol .....	36
NEVANAC .....	60	nifedipine TB24 90 MG .....	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 36	
nevirapine SUSP .....	31	nilutamide .....	25	norethindrone (contraceptive) .....	36
nevirapine TABS .....	31	nimodipine CAPS .....	33	norethindrone acet & eth estra TABS 36	
nevirapine TB24 100 MG .....	31	NINLARO .....	27	norethindrone acetate TABS .....	62
nevirapine TB24 400 MG .....	31	NIPENT .....	28	norethindrone acetate-ethinyl estradiol .....	46
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) .....	65	nisoldipine .....	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe .....	36
NEXTSTELLIS .....	35	nitazoxanide TABS .....	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic) .....	36
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	20	nitisinone CAPS .....	46	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) .....	36
niacin CPCR 250 MG, 500 MG .....	70	NITRO-BID OINT .....	8	norgestimate-ethinyl estradiol .....	36
niacin TABS .....	70	nitrofurantoin .....	22	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG .....	36
niacin TBCR .....	70	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG .....	22	NORMOSOL-M/D5W .....	55
NIACIN TR TBCR .....	70	nitrofurantoin monohyd macro 100 MG .....	22	NORMOSOL-R .....	55
niacinamide TABS 100 MG .....	70	nitroglycerin (intra-anal) .....	8	NORPRAMIN TABS 10 MG, 25 MG (desipramine hcl) .....	15
niacinamide TABS 500 MG .....	70	nitroglycerin CPCR .....	8	nortriptyline hcl CAPS .....	15
nicardipine hcl CAPS .....	33	nitroglycerin PT24 .....	8	nortriptyline hcl SOLN .....	15
nicardipine hcl SOLN .....	33	NITROGLYCERIN SOLN IV .....	8	NORVIR CAPS .....	31
nicotine MISC XX .....	63	nitroglycerin SUBL .....	8	NORVIR PACK .....	31
nicotine polacrilex GUM .....	63	NIVA-PLUS TABS .....	57	NORVIR SOLN .....	31
nicotine polacrilex LOZG .....	63	nizatidine CAPS .....	65		
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR .....	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML .....	45		
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT .....	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML .....	45		
NICOTROL INHALER INHA .....	63				

NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS .....	43	nystatin (topical) CREA .....	39	omega-3-acid ethyl esters .....	19
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	68	nystatin (topical) OINT .....	39	omeprazole CPDR .....	65
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....	68	nystatin (topical) POWD EX .....	39	omeprazole magnesium CPDR .....	65
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY .....	68	nystatin TABS .....	18	omeprazole TBEC .....	65
NOVOEIGHT .....	49	nystatin-triamcinolone CREA .....	39	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	65
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN .....	16	nystatin-triamcinolone OINT .....	39	OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	52
NOVOLIN 70/30 SUSP .....	16	NYVEPRIA .....	50	ONCASPAR .....	27
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	16	octreotide acetate KIT .....	46	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17	
NOVOLIN N SUSP .....	16	octreotide acetate SOLN .....	46	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	17
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	ODEFSEY .....	31	ondansetron hcl SOSY .....	17
NOVOLIN R SOLN IJ .....	16	ODOMZO .....	25	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18	OFEV .....	63	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	17
NP THYROID 120 TABS .....	64	ofloxacin (ophth) .....	59	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	17
NP THYROID 15 TABS .....	64	ofloxacin (otic) .....	60	ondansetron TBDP 4 MG .....	17
NP THYROID 30 TABS .....	64	ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	47	ondansetron TBDP 8 MG .....	17
NP THYROID 60 TABS .....	64	OGIVRI .....	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS ..	57
NP THYROID 90 TABS .....	64	olanzapine SOLR .....	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	57
NUBEQA .....	25	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE .....	53
NUCALA SOAJ .....	9	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G .....	53
NUCALA SOLR .....	9	olanzapine TBDP 20 MG .....	30	OPILL .....	36
NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	9	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	30	OPSUMIT .....	34
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	9	olmesartan medoxomil .....	20	ORENITRAM TBCR .....	34
NUCYNTA ER TB12 .....	6	olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide .....	21	ORILISSA .....	45
NUCYNTA TABS .....	6	olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide .....	21	ORKAMBI PACK .....	63
NUEDEXTA .....	63	olopatadine hcl (nasal) .....	58	ORKAMBI TABS .....	63
NULOJIX .....	56	olopatadine hcl 0.1 % .....	60		
nystatin (mouth-throat) .....	57	olopatadine hcl 0.2 % .....	60		

ORLADEYO .....	49	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG .....	7	paroxetine hcl TABS 10 MG .....	14
orphenadrine citrate TB12 .....	58	oxycodone hcl TABS .....	6	paroxetine hcl TABS 20 MG .....	14
oseltamivir phosphate CAPS .....	32	oxycodone hcl TB12 40 MG .....	6	paroxetine hcl TABS 30 MG .....	14
oseltamivir phosphate SUSR .....	32	oxycodone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6	paroxetine hcl TABS 40 MG .....	14
OSMOPREP .....	51	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	16	paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	14
OSPHENA .....	45	OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML, 4 MG/3ML, 8 MG/3ML .....	16	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....	14
OTEZLA TABS .....	4	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	28	PASER PACK .....	23
OTEZLA TBPK .....	4	paclitaxel protein-bound particles .....	28	pazopanib hcl .....	27
oxacillin sodium IV 10 GM .....	61	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .....	29	PEDIARIX SUSY .....	64
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....	24	paliperidone 6 MG .....	29	pediatric multivitamins w/fl CHEW .....	57
oxandrolone .....	7	palonosetron hcl SOLN .....	17	PEDVAX HIB SUSP 7.5 MCG/0.5ML .....	66
oxaprozin TABS .....	4	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....	45	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....	51
oxazepam CAPS .....	9	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45 .....	45	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....	51
OXBRYTA TABS 500 MG .....	49	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT .....	44	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	51
oxcarbazepine SUSP .....	12	PANRETIN .....	39	PEGASYS SOLN .....	32
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG .....	65	PEGASYS SOSY .....	32
oxcarbazepine TABS 600 MG .....	12	paricalcitol CAPS .....	46	PEMAZYRE .....	27
oxiconazole nitrate CREA .....	39	paricalcitol SOLN .....	46	pemetrexed disodium SOLR 500 MG .....	24
OXISTAT LOTN .....	39	paroxetine hcl SUSP .....	14	penciclovir .....	40
oxybutynin chloride SOLN .....	65			penicillamine CAPS .....	56
oxybutynin chloride TABS 5 MG .....	65			penicillamine TABS .....	56
oxybutynin chloride TB24 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	65			penicillin g potassium 5000000 UNIT .....	61
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	6			PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....	61
oxycodone hcl TABS 5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .....	6				
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	7				



PENICILLIN G PROCAINE .....	61	19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	68	pioglitazone hcl .....	16
penicillin g sodium .....	61	PFIZER-BIONTECH COVID-		pioglitazone hcl-glimepiride .....	15
penicillin v potassium SOLR .....	61	19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ...	68	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .	15
penicillin v potassium TABS .....	61	PFIZER-BIONTECH COVID-			
PENTACEL .....	64	19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68	piperacillin sodium-tazobactam	
pentazocine w/ naloxone hcl .....	7	PFIZER-BIONTECH COVID-		sodium .....	61
pentoxifylline .....	49	19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	68	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	27
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	20	68		PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27
perindopril erbumine 4 MG .....	20	PHEBURANE PLLT .....	46	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27
PERJETA .....	24	phenazopyridine hcl TABS 100 MG,		PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27
permethrin CREA .....	43	100 MG, 200 MG .....	48	pirfenidone CAPS .....	63
permethrin LIQD EX .....	43	phendimetrazine tartrate TABS .....	1	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	63
perphenazine TABS .....	30	phenelzine sulfate .....	13	pirfenidone TABS 534 MG .....	63
perphenazine-amitriptyline .....	62	phenobarbital ELIX .....	50	piroxicam CAPS .....	4
PERSERIS PRSY .....	29	phenobarbital TABS .....	50	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	55
PFIZER-BIONTECH COVID-		phenoxybenzamine hcl .....	20	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	55
19VACCINE SUSP .....	68	phentermine hcl CAPS .....	1	.....	55
PFIZER-BIONTECH COVID-		phenytoin CHEW .....	13	PLEGRIDY SOAJ SC .....	63
19VACCINE/5-11Y SUSP .....	68	phenytoin sodium extended 100 MG,		PLEGRIDY SOSY SC .....	63
PFIZER-BIONTECH COVID-		200 MG, 300 MG .....	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	
19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	68	phenytoin sodium SOLN .....	13	SC .....	62
68		phenytoin SUSP .....	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY	
PFIZER-BIONTECH COVID-		PHEXXI .....	69	SC .....	63
19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	68	PHOSLYRA SOLN .....	48	plerixafor .....	50
68		PHOTOFRIN .....	28	PNEUMOVAX 23 IJ .....	66
PFIZER-BIONTECH COVID-		PIFELTRO .....	31	PNEUMOVAX 23/1 DOSE IJ .....	66
19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	68	pilocarpine hcl (oral) .....	57	podofilox SOLN .....	42
PFIZER-BIONTECH COVID-		pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .		polymyxin b sulfate SOLR .....	22
19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68	59		polymyxin b-trimethoprim .....	59
.....	68	pimecrolimus .....	42	POMALYST .....	25
PFIZER-BIONTECH COVID-		pimozide .....	63	posaconazole SUSP .....	18
19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	68	pindolol TABS .....	33	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .	
.....	68				
PFIZER-BIONTECH COVID-					

55	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	29	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	
potassium bicarbonate TBEF .....	55		pregabalin SOLN .....	12	
potassium chloride CPCR .....	56		PREGNYL IM .....	45	
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	55		PREGNYL W/DILUENT BENZYLALCOHOL/NACL IM .....	45	
potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L .....	55		PREHEVBRIO .....	68	
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 % .....	55		PREMARIN .....	69	
potassium chloride microencapsulated crystals er 10 MEQ, 15 MEQ, 20 MEQ .....	56		PREMARIN SOLR .....	47	
potassium chloride PACK OR 20 MEQ .....	56		PREMARIN TABS .....	47	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 56			PREMPHASE .....	46	
potassium chloride SOLN OR 10 % 56			PREMPRO .....	46	
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ .....	56		PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57		
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS .....	55		PRENATAL ONE DAILY TABS ...	57	
potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 48			PRENATAL PLUS TABS .....	57	
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML .....	55		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	57	
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	38		PRENATAL TABS .....	58	
pralatrexate 20 MG/ML .....	24		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS .....	57	
			PRENATAL VITAMIN TABS .....	58	
			PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	57	
			PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	57	
			PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT .....	58	
			PRENATRIX TABS .....	58	

PRENATRYL TABS .....	58	MG/5ML .....	19	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	30
PREVNAR 13 .....	66	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	19	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	30
PREVNAR 20 .....	66	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19	quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	20
PREZCOBIX .....	31	promethazine hcl TABS .....	19	quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	20
PREZISTA SUSP .....	31	propafenone hcl CP12 .....	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	21
PREZISTA TABS (darunavir) .....	31	propafenone hcl TABS .....	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	21
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG .....	31	propracaine hcl .....	59	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	21
PREZISTA TABS 800 MG (darunavir) .....	31	propranolol hcl CP24 .....	33	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	21
PRIFTIN .....	23	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	33	quinidine sulfate TABS .....	9
primaquine phosphate TABS .....	23	propranolol hcl TABS .....	33	quinine sulfate CAPS 324 MG .....	23
primidone 50 MG, 250 MG .....	12	propylthiouracil .....	64	QVAR REDHALER .....	10
PRIORIX SUSR .....	68	protriptyline hcl .....	15	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....	58
probenecid .....	49	PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10	RA PRENATAL TABS .....	58
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9		PULMOZYME .....	63	rabeprazole sodium TBEC .....	65
prochlorperazine .....	30	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABs .....	58	raloxifene hcl .....	45
prochlorperazine maleate TABS ...	30	pyrazinamide .....	23	ramelteon .....	51
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	50	pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramipril CAPS .....	20
PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	50	pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	23	ranitidine hcl TABS 150 MG .....	65
progesterone CAPS .....	62	pyridostigmine bromide TBCR ....	23	ranolazine TB12 1000 MG .....	8
PROGRAF PACK .....	56	pyrimethamine .....	23	ranolazine TB12 500 MG .....	8
PROGRAF SOLN .....	56	QC PRENATAL TABS .....	58	rasagiline mesylate .....	29
PROLASTIN-C SOLN .....	63	QINLOCK .....	27	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	52
PROLEUKIN .....	28	QUADRACEL SUSP .....	64	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	52
PROLIA SOSY .....	45	QUADRACEL SUSY .....	64	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52	
PROMACTA PACK .....	50	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	30	REBIF REBIDOSE SOAJ .....	63
PROMACTA TABS .....	50	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	30		
promethazine hcl SOLN OR 6.25					

REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....	63	ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	32	ropinirole hydrochloride TABS .....	29
REBIF SOSY .....	63	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 32		ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	29
REBIF TITRATION PACK SOSY ..	63	RIDAURA .....	3	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG .....	29
RECOMBIVAX HB SUSP 5 MCG/0.5ML, 10 MCG/ML, 40 MCG/ML .....	69	rifabutin .....	23	rosuvastatin calcium TABS .....	19
RECOMBIVAX HB SUSY .....	69	rifampin CAPS .....	23	ROTARIX SUSP .....	69
RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	.8	rifampin SOLR .....	23	ROTARIX SUSR .....	69
REGRANEX .....	43	riluzole TABS .....	59	ROTATEQ SOLN .....	69
RELENZA DISKHALER .....	32	rimantadine hydrochloride TABS ..	32	ROZLYTREK CAPS .....	27
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G .....	53	ringer's .....	55	RUBRACA .....	27
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G .....	53	ringer's irrigation .....	56	rufinamide SUSP .....	12
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G .....	54	RINVOQ TB24 .....	3	rufinamide TABS 200 MG .....	12
RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	43	risedronate sodium TABS 150 MG	45	rufinamide TABS 400 MG .....	12
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	43	risedronate sodium TABS 35 MG	.45	RUKOBIA .....	31
RENFLIXIS .....	47	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG .....	45	RUXIENCE .....	24
repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	16	risedronate sodium TBEC .....	45	RYBELSUS TABS .....	16
repaglinide 2 MG .....	16	RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres) .....	29	salsalate .....	5
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	20	risperidone microspheres .....	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate) .....	46
REPATHA SOSY .....	20	risperidone SOLN .....	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	.46
REPATHA SURECLICK SOAJ ....	20	risperidone TABS .....	29	SANTYL OINT .....	42
RETACRIT .....	50	risperidone TBDP .....	29	sapropterin dihydrochloride PACK	.46
RETEVMO CAPS .....	27	ritonavir TABS .....	31	sapropterin dihydrochloride TABS	.46
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31	rivastigmine tartrate CAPS .....	62	SAVELLA TABS .....	62
REXULTI .....	30	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	.54	SAVELLA TITRATION PACK MISC 62	
		rizatriptan benzoate TABS 5 MG	.54	saxagliptin hcl .....	16
		rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	.54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG .....	15
		rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	.54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG .....	15
		roflumilast .....	9		
		romidepsin SOLR .....	27		

SCSEMBLIX 100 MG	27	simvastatin TABS	19	SOLQUA 100/33	15
SCSEMBLIX 20 MG	27	sirolimus TABS	56	SOLOSEC	2
SCSEMBLIX 40 MG	27	SIRTURO	23	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	37
scopolamine	18	SIVEXTRO TABS	22	SOLU-CORTEF 250 MG	37
SELECT INSULIN SYRINGES	54	SKYRIZI PEN SOAJ	40	SOLU-MEDROL 2 GM	37
SELECT LANCETS	54	SKYRIZI PSKT	40	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	45
selegiline hcl CAPS	29	SKYRIZI SOCT	47	sorafenib tosylate	27
selegiline hcl TABS	29	SKYRIZI SOLN	48	SORBITOL 3 %	48
selenium sulfide LOTN 2.5 %	40	SKYRIZI SOSY	40	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	48
SELZENTRY SOLN	31	SLYND	36	sotalol hcl (afib/afl)	33
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	31	SM PRENATAL VITAMINS TABS	58	sotalol hcl TABS 240 MG	33
SEREVENT DISKUS	10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	55	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	33
sertraline hcl CONC	14	sodium acetate SOLN	55	SOVALDI TABS 400 MG	32
sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	69
sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	69
sevelamer carbonate PACK	48	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	69
sevelamer carbonate TABS	48	sodium citrate & citric acid	48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	69
SHINGRIX	69	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	55	spinosad	43
SIGNIFOR	46	sodium phenylbutyrate POWD	46	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)	9
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	34	sodium phenylbutyrate TABS	46	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	34	sodium polystyrene sulfonate POWD	56	spironolactone & hydrochlorothiazide	44
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	34	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	spironolactone TABS	44
sildenafil citrate	34	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	51	SPRAVATO 56MG DOSE	13
silodosin	48	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	32		
silver sulfadiazine	40	solifenacin succinate TABS	66		
SIMPONI ARIA SOLN	3				
SIMULECT	56				

SPRAVATO 84MG DOSE	13	CREA 10 %-5 %	38	SYNERA PTCH	43
SPRYCEL (dasatinib)	27	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38	SYNJARDY TABS	15
stannous fluoride CONC	57	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
stavudine CAPS	31	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
STELARA 130 MG/26ML	48	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYNRIBO	28
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	40	sulfadiazine TABS	63	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22	TABLOID	24
STELARA SOSY 90 MG/ML	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	22	TABRECTA	27
STENDRA	34	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	22	tacrolimus (topical) OINT	42
STIOLTO RESPIMAT	10	SULFAMILYLON CREA	40	tacrolimus CAPS	56
STIVARGA	27	sulfasalazine TABS	48	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	34
STRENSIQ	46	sulfasalazine TBEC	48	tadalafil 5 MG	34
streptomycin sulfate SOLR	2	sulindac TABS	4	TAFINLAR CAPS	27
STRIBILD	31	sumatriptan	54	tafluprost	60
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 40 MG	25
SUBLOCADE SOSY	7	sumatriptan succinate SOCT	54	TAGRISSO 80 MG	25
SUBOXONE FILM SL (buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate)	7	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOLN	49
SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan succinate TABS	55	TAKHZYRO SOSY	49
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6	sumatriptan-naproxen sodium	54	TALZENNA	27
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamoxifen citrate TABS	25
sucralfate SUSP	65	sunitinib malate 37.5 MG	27	tamsulosin hcl	48
sucralfate TABS	65	SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27
sulconazole nitrate CREA	39	SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 50 MG	27
sulconazole nitrate SOLN	39	SYNAREL	46	tavorole	39
sulfacetamide sodium (acne)	38			TAVALISSE	49
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	59			tazarotene CREA 0.1 %	40
sulfacetamide sodium w/ sulfur				TAZVERIK	27

TDVAX SUSP .....	64	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP .....	64	tizanidine hcl TABS .....	58
TEFLARO .....	35	tetrabenazine .....	62	tobramycin (ophth) SOLN .....	59
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		tetracycline hcl CAPS .....	64	tobramycin NEBU 300 MG/5ML ....	2
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		THALOMID .....	56	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ....	2
TEGSEDI .....	63	theophylline ELIX .....	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 60	
telmisartan .....	20	theophylline SOLN .....	10	TODAY SPONGE MISC .....	69
telmisartan-amlodipine .....	21	theophylline TB12 .....	10	tolcapone .....	28
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	theophylline TB24 .....	10	tolmetin sodium CAPS .....	4
temazepam 15 MG, 30 MG .....	50	THERANATAL CORE NUTRITION TABs .....	58	tolmetin sodium TABs 600 MG ....	4
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG ....	50	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin) .....	48	TOLSURA CAPS .....	18
TEMODAR SOLR .....	24	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin) .....	48	tolterodine tartrate CP24 .....	66
temozolomide CAPS .....	24	thioridazine hcl .....	30	tolterodine tartrate TABS .....	66
temsirrolimus .....	27	thiotepa 15 MG .....	24	tolvaptan TABS .....	46
TENIVAC INJ .....	64	thiothixene .....	30	topiramate CPSP 15 MG .....	12
tenofovir disoproxil fumarate TABS 31		THYMOGLOBULIN .....	56	topiramate CPSP 25 MG .....	12
terazosin hcl .....	20	THYROGEN 0.9 MG .....	43	topiramate CS24 .....	12
terbinafine hcl TABS .....	18	tiagabine hcl .....	12	topiramate TABS 200 MG .....	12
terbutaline sulfate SOLN .....	10	TIBSOVO .....	27	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .12	
terbutaline sulfate TABS .....	10	tigecycline .....	64	topiramate TABS 50 MG .....	12
terconazole vaginal CREA .....	69	timolol maleate (ophth) SOLG ....	59	topotecan hcl SOLR .....	28
terconazole vaginal SUPP .....	69	timolol maleate (ophth) SOLN ....	59	toremifene citrate .....	25
teriflunomide .....	63	timolol maleate TABS .....	33	torsemide TABS .....	44
teriparatide SOPN .....	45	tiopronin TBEC 100 MG .....	48	TRACLEER TBSO .....	34
TERIPARATIDE SOPN .....	45	tiopronin TBEC 300 MG .....	48	tramadol hcl TABS 50 MG .....	6
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML .....	7	tiotropium bromide monohydrate CAPS .....	9	tramadol hcl TB24 .....	6
testosterone cypionate SOLN IM 100 MG/ML, 200 MG/ML .....	7	TIVICAY TABS .....	31	tramadol-acetaminophen .....	7
testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl CAPS .....	58	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	20
				trandolapril 4 MG .....	20
				trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2	

MG, 240 MG-1 MG .....	21	LOTN 0.025 % .....	42	TROJAN MAGNUM MISC .....	52
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG .....	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....	42	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC .....	52
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML .....	50	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % .....	42	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC .....	52
tranexamic acid TABS .....	50	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % .....	42	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 52	
tranylcypromine sulfate .....	13	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	37	TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC .....	52
travoprost SOLN .....	60	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG .....	44	tropicamide SOLN 0.5 % .....	59
TRAZIMERA .....	24	triamterene & hydrochlorothiazide TABs .....	44	tropicamide SOLN 1 % .....	59
trazodone hcl TABS .....	14	triamterene CAPS .....	44	tropium chloride CP24 .....	66
TRECTOR .....	23	triazolam .....	50	tropium chloride TABS .....	66
TRELEGY ELLIPTA .....	10	TRICARE TABS .....	58	TRUE COVER DEVI .....	52
TRELSTAR MIXJECT .....	25	trientine hcl 250 MG .....	56	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	43
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML .....	40	trifluoperazine hcl TABS .....	30	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....	54
TREMFYA SOSY 100 MG/ML .....	40	trifluridine .....	59	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	43
treprostinil SOLN IJ .....	34	trihexyphenidyl hcl SOLN .....	28	TRUE TRACK TEST STRP .....	43
tretinoin (chemotherapy) .....	28	trihexyphenidyl hcl TABS .....	28	TRULICITY SC 0.75 MG/0.5ML, 1.5 MG/0.5ML .....	16
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	38	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRULICITY SC 3 MG/0.5ML, 4.5 MG/0.5ML .....	16
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	38	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....	15	TRUMENBA .....	66
tretinoin microsphere 0.1 % .....	38	TRIKAFTA TBPK .....	63	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC .....	52
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	24	trimethobenzamide hcl CAPS .....	18	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC .....	52
triamcinolone acetonide (mouth) ..	57	trimethoprim TABS .....	21	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC .....	53
triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	58	trimipramine maleate CAPS .....	15	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	53
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	42	TRINTELLIX .....	14		
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	42	TRIUMEQ TABS .....	31		
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	42	TRIZIVIR .....	31		
triamcinolone acetonide (topical)					



TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDD MISC .....	53	UBRELVY .....	54	VARUBI TBPK .....	18
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC .....	53	UCERIS (budesonide (intrarectal))	.7	VAXNEUVANCE .....	66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC .....	53	UDENYCA ONBODY SOSY .....	50	VECAMYL .....	21
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 53		UDENYCA SOAJ .....	50	VECTIBIX 100 MG/5ML .....	25
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC .....	53	UDENYCA SOSY .....	50	VEMLIDY .....	32
TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDD MISC .....	53	UPTRAVI TABS 200 MCG .....	34	venlafaxine hcl CP24 150 MG .....	14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC . 53		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG .....	34	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG ....	14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC .....	53	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 34		venlafaxine hcl CP24 75 MG .....	14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 53		ursodiol CAPS .....	47	venlafaxine hcl TABS .....	14
TRUXIMA .....	24	ursodiol TABS .....	47	venlafaxine hcl TB24 150 MG .....	14
TUKYSA .....	25	UVADEX .....	28	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG .....	14
TURALIO .....	27	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	32	VENTAVIS 10 MCG/ML .....	34
TUZISTRA XR .....	37	valacyclovir hcl 500 MG .....	32	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	33
TWINRIX SUSY .....	69	valganciclovir hcl TABS .....	31	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG .....	33
TWIRLA .....	36	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML .....	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG .....	33
TYBLUME CHEW .....	36	valproic acid CAPS .....	13	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33
TYBOST .....	31	valrubicin .....	26	verapamil hcl TABS .....	33
TYMLOS .....	45	valsartan TABS .....	20	verapamil hcl TBCR .....	33
TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	34	valsartan-hydrochlorothiazide ....	21	VEREGEN .....	38
TYVASO SOLN IN .....	34	vancomycin hcl CAPS .....	22	VERZENIO .....	27
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	34	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG .....	22	VICTOZA (liraglutide) .....	16
		vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	22	VIEKIRA PAK TBPK .....	32
		VAQTA .....	69	vigabatrin PACK .....	12
		varenicline tartrate TABS .....	63	vigabatrin TABS .....	13
		varenicline tartrate TBPK .....	63	VIIBRYD STARTER PACK KIT ....	14
		VARIVAX SUSR IJ .....	69	vilazodone hcl TABS .....	14
				vincristine sulfate .....	28
				vinorelbine tartrate 10 MG/ML .....	28
				VIRACEPT TABS 250 MG .....	31

VIRACEPT TABS 625 MG .....	31	DIAPHRAGM KIT 85 .....	53	XPOVIO .....	26
VIREAD POWD .....	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....	53	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	26
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....	53	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	26
VISTOGARD .....	17	XALKORI CAPS .....	27	XTAMPZA ER .....	6
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....	70	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XTANDI CAPS .....	25
VITATHELY/GINGER TABS .....	58	XARELTO SUSR .....	10	XTANDI TABS 40 MG .....	25
VITRAKVI CAPS .....	27	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	XTANDI TABS 80 MG .....	25
VITRAKVI SOLN .....	27	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	XULTOPHY 100/3.6 .....	15
VIVITROL .....	17	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	XYNTHA .....	49
VIZIMPRO .....	25	XELJANZ SOLN .....	3	XYNTHA SOLOFUSE .....	49
VORAXAZE .....	28	XELJANZ TABS 10 MG .....	3	YERVOY .....	24
voriconazole TABS .....	18	XELJANZ TABS 5 MG .....	3	YONSA .....	25
VOSEVI .....	32	XELJANZ XR TB24 .....	3	zafirlukast .....	9
VOTRIENT (pazopanib hcl) .....	27	XGEVA SOLN .....	45	zaleplon 10 MG .....	51
VYNDAMAX .....	34	XHANCE EXHU .....	58	zaleplon 5 MG .....	51
VYNDAQEL .....	34	XIFAXAN 200 MG .....	21	ZALTRAP 100 MG/4ML .....	24
VYVANSE CAPS .....	1	XIFAXAN 550 MG .....	21	ZANOSAR .....	24
warfarin sodium TABS .....	10	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....	15	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
water for irrigation, sterile .....	56	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	15	ZARXIO .....	50
WESTAB PLUS TABS .....	58	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	ZEJULA CAPS .....	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....	53	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	ZEJULA TABS 100 MG .....	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....	53	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....	53	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML .....	9	ZELBORAF .....	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....	53	XOLAIR SOLR .....	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....	53	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....	53	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	9		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....	53	XOSPATA .....	27		

UNIT-20000 UNIT .....	44
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	44
ZEPATIER .....	32
zidovudine CAPS .....	31
zidovudine SYRP .....	31
zidovudine TABS .....	31
ZIEXTENZO .....	50
zileuton TB12 .....	9
ZIMHI SOSY .....	17
ziprasidone hcl .....	29
ZIRABEV .....	24
ZIRGAN GEL .....	59
ZOLADEX 10.8 MG .....	25
ZOLADEX 3.6 MG .....	25
zoledronic acid CONC .....	45
zoledronic acid SOLN .....	45
ZOLINZA .....	27
zolmitriptan SOLN .....	55
zolmitriptan TABS .....	55
zolmitriptan TBDP .....	55
zolpidem tartrate TABS .....	51
zolpidem tartrate TBCR .....	51
zonisamide CAPS .....	12
ZONTIVITY .....	49
ZORBTIVE SC .....	45
ZUBSOLV SUBL .....	7
ZYDELIG .....	27
ZYLET .....	60

